

Bản án số: 89/2021/HS-PT
Ngày: 18/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Thư

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Dũng

Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 122/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo Đỗ Thành H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2021/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có kháng cáo:

Đỗ Thành H, sinh năm 1984 tại Hậu Giang; giới tính: nam; Nơi cư trú: ấp X, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: phường H, quận N, thành phố Cần Thơ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: tài xế; con ông Đỗ Tấn T và bà Trần Kim T; có vợ (đã ly hôn) và có 01 người con (sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *Có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Thanh P** – Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Thanh P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ; *Có mặt.*

Trong vụ án, còn có bị cáo **Đỗ Thành Đ**, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thành H và Đỗ Thành Đ có mối quan hệ là anh em ruột và đều là nhân viên Công ty TNHH Thương mại T (sau đây gọi tắt là Công ty T), địa chỉ: đường T, phường XX, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2015. Trong đó, bị cáo H được Công ty phân công giữ chức vụ Trưởng vùng kinh doanh miền Tây (13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long) với nhiệm vụ giới thiệu sản phẩm, quản lý bán hàng, nhận đơn đặt hàng và giao hàng thuốc bảo vệ thực vật cho Công ty. Bị cáo Đ được Công ty giao là nhân viên bán hàng của Công ty phụ trách khu vực Cần Thơ - Hậu Giang. Theo quy định, những đại lý đã ký hợp đồng với Công ty T khi có nhu cầu mua hàng hóa thì sẽ thông báo cho H, Đ (quản lý bán hàng theo khu vực) để H, Đ báo về Công ty đặt hàng theo số lượng, chủng loại các đại lý yêu cầu. Sau đó, Công ty chuyển hàng đến các đại lý thông qua các chành xe, H hoặc Đ có nhiệm vụ nhận hàng sau đó giao lại cho các đại lý.

Theo quy định trong hợp đồng lao động với Công ty T thì H, Đ đã là nhân viên thì không được trực tiếp ký hợp đồng mua hàng hóa với Công ty mà chỉ các đại lý mới được thực hiện. Do muốn lấy hàng hóa của Công ty T để tiêu thụ nơi khác, vào khoảng thời gian từ tháng 8/2015 đến tháng 10/2015, Đỗ Thành H chỉ đạo Đỗ Thành Đ lấy danh nghĩa hai đại lý kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Cần Thơ và Hậu Giang (do Đ quản lý) để đặt hàng về Công ty, sau khi Công ty đồng ý chuyển hàng xuống chành xe T tại địa chỉ Trần Văn H, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ cho nhân viên khu vực đến nhận để đi giao các đại lý thì H chỉ đạo cho Đ nhận hàng từ chành xe rồi chuyển cho H mang đi bán cho nơi khác chiếm đoạt tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ. Cụ thể:

+ Đại lý Ba N do ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang làm chủ. Mặc dù đại lý không đặt hàng và không được sự đồng ý của đại lý nhưng Đ vẫn tự ý đặt 02 lô hàng ngày 26/9/2015 và ngày 10/10/2015 về Công ty T. Số hàng hóa sau khi nhận, H và Đ đã chiếm đoạt bán lấy tiền chi xài cá nhân, trị giá 5.796.000 đồng.

+ Đại lý Hoàng A; địa chỉ: khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ do ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; ĐKTT: khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ làm chủ. Mặc dù đại lý không đặt hàng và không được sự đồng ý của đại lý nhưng Đ đã tự ý đặt 02 lô hàng ngày 22/9/2015 và ngày 06/10/2015 về Công ty T. Số hàng hóa sau khi nhận, H và Đ đã chiếm đoạt bán lấy tiền chi xài cá nhân, trị giá 45.845.200 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định, H còn trực tiếp quản lý, điều hành Cửa hàng vật tư nông nghiệp hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể Q có địa điểm kinh doanh đặt tại địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K do Bùi Quốc C đứng tên (là em vợ bị cáo H). Do không trực tiếp đứng tên ký hợp đồng đại lý với Công ty được, nên H đã nhờ Bùi Quốc C đứng tên đại lý Q để ký hợp đồng đại lý với Công ty T. Trong thời gian từ tháng 8/2015 đến tháng 9/2015, bị cáo H đã sử dụng danh nghĩa đại lý Q tự ý đặt 08 lô hàng về Công ty, sau khi nhận được hàng, H chiếm đoạt mang đi bán cho nơi khác lấy tiền tiêu xài cá nhân với giá trị hàng hóa là 130.931.100 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Đỗ Thành Đ đã giúp sức cùng bị cáo Đỗ Thành H chiếm đoạt của Công ty T thông qua 02 đại lý Hoàng A và Ba N là 51.641.200 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Đỗ Thành H đã chiếm đoạt của Công ty T thông qua 03 đại lý (Q, Hoàng A và Ba N) là 182.572.300 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Thành H, Đỗ Thành Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các cá nhân có liên quan và hồ sơ, tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Qua làm việc ông Nguyễn Văn T (đại lý Ba N), Phạm Văn T (đại lý Hoàng A) đều không biết việc H, Đ đã lấy danh nghĩa các đại lý để đặt hàng về Công ty để chiếm đoạt.

Riêng đối với Bùi Quốc C (đứng tên đại lý Q) thừa nhận có đứng tên đại lý để ký hợp đồng với Công ty T nhưng mọi hoạt động kinh doanh của đại lý Q đều do bị cáo H thực hiện, C chỉ đứng tên trên giấy tờ. Qua làm việc, đối chất C đều không biết, không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty T do bị cáo Đỗ Thành H thực hiện. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý C.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra H, Đ đã liên đới nộp khắc phục hậu quả trả lại cho Công ty T toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 182.572.300 đồng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền trên cho Công ty T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: Đỗ Thành H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đỗ Thành H 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần xử phạt đối với bị cáo Đỗ Thành Đ, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/6/2021, bị cáo Đỗ Thành H kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nhận biết đã hành động sai lầm, rất ăn năn hối cải nên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo để có điều kiện chăm lo cho con nhỏ 11 tuổi.

Người bào chữa cho bị cáo (Luật sư Trần Thanh P) trình bày luận cứ: Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, các tình tiết giảm nhẹ cũng được cấp sơ thẩm xem xét; tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về tổng thể các tình tiết (bị cáo rất ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ trách nhiệm dân sự, người bị hại xin bãi nại và điều kiện thực tế phải trực tiếp nuôi con nhỏ) để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Bị cáo cung cấp Giấy xác nhận là lao động duy nhất nhưng không được xem là tình tiết mới. Cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt 03 năm 03 tháng tù là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Đỗ Thành H kháng cáo trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10/2015, bị cáo Đỗ Thành H với vị trí Trưởng vùng kinh doanh Miền Tây (13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long) của Công ty T đã nhiều lần thực hiện thủ đoạn gian dối lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để tự ý hoặc chỉ đạo nhân viên (cũng là em ruột bị cáo và là bị cáo khác trong vụ án) nhân danh các Đại lý đặt khổng hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ với tổng số tiền là 182.572.300 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đỗ Thành H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, với lý do: bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại, bị cáo phạm tội lần đầu và bản thân đã ly hôn đang phải trực tiếp nuôi con nhỏ.

Xét thấy: Bị cáo đã thành niên, có trình độ đại học, được giao vị trí Trưởng vùng kinh doanh Miền Tây tức là bị cáo có sự am hiểu nhất định và đủ năng lực nhận thức việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lòng tham muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo không chỉ nhân danh Đại lý Q đặt 08 lần hàng hóa với số tiền 130.931.100 đồng, mà còn là người đề ra kế hoạch và chỉ đạo cho em trai cũng là nhân viên cấp dưới (là bị cáo khác trong vụ án) giả danh đại lý đang quản lý đặt 04 lần hàng với số tiền 51.641.200 đồng; giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều đủ định lượng (trên 2.000.000 đồng) nhưng chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Như vậy, thuộc trường hợp bị cáo đã thực

hành vi “phạm tội 02 lần trở lên”; việc Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng là đã có lợi cho bị cáo, nhưng đây là thiếu sót của cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Luật hình sự bảo vệ, gây tác động tiêu cực đến trật tự an xã hội. Nên cần áp dụng một thời hạn tù nhất định và cách ly ra khỏi đời sống xã hội để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Trong khi, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò tích cực của bị cáo, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt 03 năm 03 tháng tù là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp “Giấy xác nhận là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân chưa có khả năng lao động”; xét đây chỉ cụ thể hóa cho tình tiết “Bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn, hiện đang nuôi con nhỏ sinh năm 2011 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 69/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ” đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên không được xem là tình tiết mới. Do đó, kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp. Ý kiến của Luật sư chưa có căn cứ.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đỗ Thành H.**

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2021/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thành H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đỗ Thành H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ: khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Thành H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện KSND CC tại TP. HCM;
- Viện KSND Tp. Cần Thơ;
- Cơ quan tiến hành tố tụng Q. N;
- Sở Tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Thư